

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 10 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO

Xét duyệt (thẩm định) quyết toán ngân sách năm 2022

Đơn vị được thông báo: Trường Mầm non xã Hua Thanh - huyện Điện Biên

Mã chương: 622, Loại 070, Khoản 071.

Căn cứ thông tư số 137/2017/TT - BTC ngày 25/12/2017 của Bộ tài Chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Mầm non xã Hua Thanh và biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngày 29/03/2023 giữa Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên và Trường Mầm non xã Hua Thanh;

Hôm nay, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Mầm non xã Hua Thanh như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a. Thu học phí:

- Số dư năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Tổng số thu trong năm: 76.540.000 đồng
- Tổng số chi trong năm: 45.924.000 đồng
- Số chấp nhập quyết toán: 45.924.000 đồng
- Số xuất toán nộp NSNN: 0 đồng
- Số tồn để lại chuyển năm sau: 30.616.000 đồng

b. Quyết toán chi ngân sách:

*** Ngân sách:**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 5.882.185.810 đồng.
- Số kinh phí thực nhận trong năm: 5.847.265.440 đồng.
- Số kinh phí quyết toán: 5.838.988.846 đồng.
- Số xuất toán: 8.276.594 đồng.
- Số kinh phí giảm trong năm: 0 đồng.
- Số dư KP được phép chuyển sang năm sau sử dụng và QT: 34.920.370 đồng.
- Số kinh phí tạm ứng đã sử dụng chuyển sang năm sau quyết toán: 0 đồng.

*** Tài trợ, viện trợ đã ghi thu, ghi chi:**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.360.000 đồng

- Số đã ghi thu, ghi chi trong năm: 125.112.000 đồng
- Số kinh phí được sử dụng trong năm: 128.472.000 đồng
- Tổng số kinh phí quyết toán: 82.656.000 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau: 45.816.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo phụ lục số 1c đính kèm)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng.

4. Thuyết minh số liệu quyết toán: Không

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng
- + Sử dụng kinh phí tiết kiệm: 0 đồng
- + Trích lập các quỹ: 0 đồng.
- + Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng thời gian quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị đã lập và gửi báo cáo lên đơn vị dự toán cấp trên theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Về sổ kế toán: Đơn vị đã thực hiện mở đầy đủ các loại sổ kế toán như: Sổ cái các tài khoản S03H, sổ cái mục lục ngân sách, sổ nhật ký chung, sổ chi tiết chi phí, sổ theo dõi dự toán, sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng,....., bảo quản, lưu trữ sổ kế toán để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại đơn vị theo đúng quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành. tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán đầy đủ vào sổ sách. Chứng từ kế toán đầy đủ.

- Về chấp hành các quy định của nhà nước:

+ Quyết toán ngân sách: Đơn vị cập nhật đầy đủ các loại báo cáo cho cơ quan Tài chính như: Sổ TSCĐ, sổ theo dõi CCDC, báo cáo quyết toán năm. Số liệu trong báo cáo quyết toán rõ ràng, chính xác, các loại mẫu biểu của quyết toán đúng với quy định của Luật ngân sách Nhà nước ban hành.

+ Thực hiện quản lý tài sản: Đơn vị đã thực hiện chế độ quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành. cuối năm đơn vị đã thực hiện kiểm kê, đối chiếu sổ sách với tài sản hiện có đảm bảo khớp đúng.

+ Chế độ thu, quản lý sử dụng nguồn thu: Thực hiện các khoản thu theo quy định của cấp có thẩm quyền, học phí thu được thực hiện nộp qua tài khoản mở tại kho bạc nhà nước đầy đủ; chi tiêu đảm bảo đúng theo quy định.

- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính: không

- Về chứng từ kế toán: Chứng từ được sắp xếp theo đúng trình tự thời gian phát sinh nghiệp vụ, chứng từ thanh toán đúng theo biểu mẫu theo thông tư chế độ kế toán 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

*** Các tồn tại và hạn chế trong năm 2022:**

- Chi sai truy lĩnh tăng lương đợt 1/2022 cho Lương Văn Tiễn nhân viên y sỹ: 1.355.900 đồng, do tính hưởng ưu đãi 70% phụ cấp ưu đãi nghề.

- Chuyển thừa tiền trợ cấp ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn Vũ Thị Năm: 1.520.694 đồng.

- Chi sai đối tượng thụ hưởng chế độ chính sách theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021: 5.400.000 đồng.

Tổng số tiền chi sai: 8.276.594 đồng.

2. Kiến nghị:

- Yêu cầu nhà trường khắc phục những tồn tại nêu trên.

- Truy thu số tiền chi sai chế độ: 8.276.594 đồng nộp trả ngân sách.

- Trên đây là thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Mầm non xã Hua Thanh - huyện Điện Biên. Đề nghị đơn vị phát huy những ưu điểm đã đạt được và khắc phục những tồn tại đã nêu trên trong năm 2023, để làm tốt công tác tài chính kế toán trong những năm tiếp theo.

Nơi nhận:

Đơn vị: Trường Mầm non xã Hua Thanh - huyện

Điện Biên;

Lưu: VT, KT;

**TRƯỞNG PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Đặng Quang Huy

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH) QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán số .../... ngày .../.../...)

Đơn vị: Trường Mầm non xã Hua Thanh
Chương: 622

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Nội dung	Trường Mầm non xã Hua Thanh							
		Tổng số	Loại 070						
			Tổng loại 070	Khoản 071					
A	B	1	2	3					
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)								
2	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)								
3	- Kinh phí đã nhận								
4	- Dự toán còn dư ở Kho bạc								
5	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)								
6	- Kinh phí đã nhận								
7	- Dự toán còn dư ở Kho bạc								
8	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	5.882.185.810	5.882.185.810	5.882.185.810					
9	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	5.006.105.810	5.006.105.810	5.006.105.810					
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	876.080.000	876.080.000	876.080.000					
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	5.882.185.810	5.882.185.810	5.882.185.810					
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	5.006.105.810	5.006.105.810	5.006.105.810					
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	876.080.000	876.080.000	876.080.000					
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	5.847.265.440	5.847.265.440	5.847.265.440					
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.971.185.440	4.971.185.440	4.971.185.440					
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	876.080.000	876.080.000	876.080.000					
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	5.838.988.846	5.838.988.846	5.838.988.846					

tiêu	Nội dung	Tổng số	Loại 0/0	
			Tổng loại 070	Khoản 071
A	B	1	2	3
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.968.308.846	4.968.308.846	4.968.308.846
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	870.680.000	870.680.000	870.680.000
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	8.276.594	8.276.594	8.276.594
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	2.876.594	2.876.594	2.876.594
22	- Đã nộp NSNN			
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	2.876.594	2.876.594	2.876.594
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)			
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	5.400.000	5.400.000	5.400.000
26	- Đã nộp NSNN			
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	5.400.000	5.400.000	5.400.000
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)			
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	34.920.370	34.920.370	34.920.370
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	34.920.370	34.920.370	34.920.370
31	- Kinh phí đã nhận			
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	34.920.370	34.920.370	34.920.370
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)			
34	- Kinh phí đã nhận			
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc			
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ			
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	3.360.000	3.360.000	3.360.000
37	Dự toán được giao trong năm			
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)	125.112.000	125.112.000	125.112.000
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng			
40	- Số đã ghi thu, ghi chi	125.112.000	125.112.000	125.112.000
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)	128.472.000	128.472.000	128.472.000
42	Kinh phí đề nghị quyết toán	82.656.000	82.656.000	82.656.000
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)	45.816.000	45.816.000	45.816.000
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI			
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)			
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng			
46	- Số dự toán			

A	B	Tổng số 1	Loại 070						
			Tổng loại 070 2	Khoản 071 3					
47	Dự toán được giao trong năm								
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48= 44+47)								
49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)								
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN								
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN								
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán								
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)								
54	- Đã nộp NSNN								
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)								
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)								
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)								
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng								
59	- Số dư dự toán								
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI								
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)								
62	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ								
63	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ								
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)								
65	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ								
66	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ								
67	Số thu được trong năm (67=68+69)								
68	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ								
69	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ								
70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)								
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)								
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)								
73	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)								
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ								
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ								
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)								

X.H
HỒ
IAO
A ĐÀ
V BIÊN

tiêu	TỔNG SỐ	TỔNG LOẠI 070		KHOẢN 071	
		1	2	3	
A	B				
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)				
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)				
NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỀ LẠI					
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)				
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ				
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ				
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)				
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ				
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ				
85	Số thu được trong năm (85=86+87)	76.540.000	76.540.000	76.540.000	
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	76.540.000	76.540.000	76.540.000	
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ				
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)	76.540.000	76.540.000	76.540.000	
89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)	76.540.000	76.540.000	76.540.000	
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)				
91	Số kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán (91=92+93)	45.924.000	45.924.000	45.924.000	
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	45.924.000	45.924.000	45.924.000	
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ				
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)	30.616.000	30.616.000	30.616.000	
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)	30.616.000	30.616.000	30.616.000	
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)				

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)



Đỗ Tiến Đạt



Đặng Quang Huy